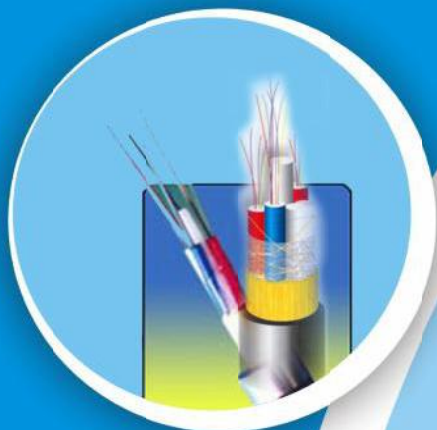




**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
BƯỞ ĐIỆN QUẢNG NAM**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **Năm 2014**

## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát: .....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	3
3.1 Ngành nghề kinh doanh chính: .....	3
3.2. Địa bàn kinh doanh: .....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	3
4.1. Mô hình quản trị.....	3
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển: .....	4
6. Các rủi ro: .....	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	7
2. Tổ chức và nhân sự: .....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....	17
4. Tình hình tài chính: .....	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	18
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	21
2. Tình hình tài chính .....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....	21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: .....	22
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015: .....	22
4.2 Kế hoạch tiền lương 2015: .....	22
4.3 Kế hoạch đầu tư: .....	22
4.4 Kế hoạch tài chính: .....	22
4.5 Thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán: .....	22
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán . .....	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	22
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: .....	22
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:.....	23
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: .....	23
Định hướng chiến lược phát triển năm 2015:.....	24
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	25
1. Hội đồng quản trị: .....	25
2. Ban Kiểm soát: .....	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát: .....	31
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	32
1. Ý kiến kiểm toán .....	36
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: .....	37

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam  
**Năm báo cáo: Năm 2014**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, Đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 01/04/2014.
- Vốn điều lệ: **15.000.000.000 VND** (Mười lăm tỷ đồng).
- Vốn chủ sở hữu: **22.635.379.787 VND** (Hai mươi hai tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).
- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
- Số điện thoại : 0510.3811811
- Số fax : 0510.3811999
- Website : <http://www.qtc.vn>
- Mã cổ phiếu : **QCC**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

#### 🚩 Năm 2002:

- ✓ Ngày 25/01/2002, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (QTC) được thành lập.

#### 🚩 Năm 2003:

- ✓ Ngày 08/10/2003 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 3,5 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng.

#### 🚩 Năm 2006:

- ✓ Ngày 25/05/2006 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ đồng lên 7 tỷ đồng.

#### 🚩 Năm 2007:

- ✓ Ngày 24/05/2007 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 7 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

#### 🚩 Năm 2008:

Ngày 18/01/2008, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu được bảo hộ Logo “QTC”.

#### 🚩 Năm 2010:

- ✓ Ngày 06/10/2010, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX) theo Thông báo số 906/TB-SGDHN ngày 29/09/2010.

#### 🚩 Năm 2014:

- ✓ Ngày 29/04/2014, Sở GD&ĐT Hà Nội có Quyết định số 212/QĐ -SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu QCC do Tổ chức kiểm toán có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty, thuộc diện hủy niêm yết theo qui định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.

- ✓ Ngày 26/05/2014, cổ phiếu QCC chính thức hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- ✓ Ngày 30/5/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 286/QĐ-SGDHN.
- ✓ Ngày 06/6/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 487/TB-SGDHN ngày 30/5/2014.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thi công các công trình xây lắp bưu chính- viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
- Dịch vụ đo kiểm viễn thông
- Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất
- Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông
- Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, các thiết bị viễn thông tin học
- Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh

#### 3.2 Địa bàn kinh doanh: Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

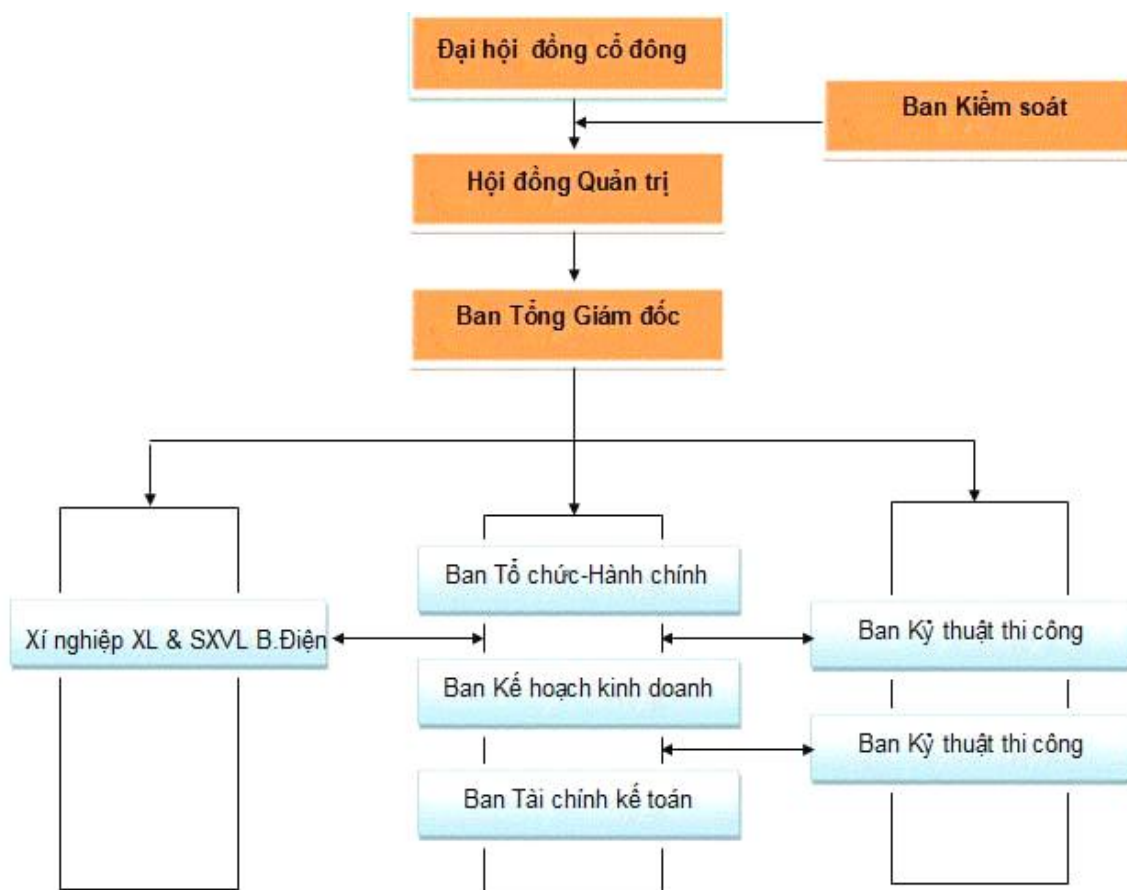
#### 4.1 Mô hình quản trị.

- ✚ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- ✚ **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- ✚ **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc điều hành Công ty là người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giám đốc điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành

Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- ✚ **Phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc điều hành, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.
- ✚ **Các Ban chức năng:** Do Hội đồng quản trị thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc điều hành, các Ban chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Ban, đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

#### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



#### 4.3. Các công ty con, công ty liên kết: **Không**

### 5. Định hướng phát triển :

Giai đoạn 2015-2016: Tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường củng cố và duy trì hoạt động xây lắp, từng bước chuyển hoá sang lĩnh vực đầu tư, phù hợp với mục tiêu của công ty. Xây dựng công ty theo định hướng thành công ty đầu tư bằng cách tiếp tục củng cố và duy trì sự phát triển vững chắc trong hoạt động xây lắp, tạo tiền đề cho hoạt động đầu tư của Công ty, đầu tư chính là nguồn của xây lắp, sự kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư và xây lắp

tạo thành một mô hình cung cầu khép kín theo phương châm truyền thống của ngành, từ đó tạo nên sức mạnh trong cạnh tranh và phát triển Công ty.

Nâng cao năng lực đầu tư, tập trung vào những dự án có quy mô vừa và nhỏ phù hợp với năng lực của Công ty, đặc biệt chú trọng đến dự án của công ty đầu tư phát triển kinh doanh hạ tầng Khu dân cư mà Công ty xin được làm nhà đầu tư. Như vậy, một mặt giúp Công ty vừa nâng cao tỷ trọng đầu tư mặt khác giúp Công ty nhanh chóng, tiếp cận, thích ứng quy trình đầu tư từ đó nâng cao nghiệp vụ, chất lượng của Công ty trong hoạt động đầu tư.

Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lễ lối làm việc của đội ngũ cán bộ n nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

Lĩnh vực thi công xây lắp: Trong chiến lược chuyển dần Công ty sang hoạt động đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Công ty xác định sẽ tiếp tục duy trì ở mức phù hợp lĩnh vực truyền thống là hoạt động xây lắp ngành viễn thông, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động khác của Doanh nghiệp.

Lĩnh vực dịch vụ: Đi cùng với các sản phẩm xây lắp thì Công ty sẽ phải phát triển hệ thống dịch vụ chăm sóc khách hàng, tiến tới chuyên nghiệp hóa trong hoạt động truyền thống của ngành.

Lĩnh vực đầu tư: Hoàn thiện các hạng mục đầu tư Khu dân cư Sơn Xuyên, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam với chất lượng tốt nhằm nâng cao uy tín của Công ty trong lĩnh vực bất động sản. Đồng thời Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án tự tìm kiếm các dự án khác.

### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Lĩnh vực xây lắp: Không ngừng củng cố và nâng cao lĩnh vực hoạt động truyền thống là hoạt động xây lắp. Bằng các hoạt động cụ thể, duy trì sản lượng xây lắp ở mức tăng trưởng ổn định từ 10% - 15%/năm.

Lĩnh vực đầu tư dự án hạ tầng: Nghiên cứu lập dự án và tham gia triển khai các dự án hạ tầng viễn thông cho thuê , hạ tầng khu dân cư vừa và nhỏ tại tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận.

Tùy theo tình hình chung, Công ty sẽ chủ động điều tiết phát triển các dự án bất động sản và hạ tầng để tránh rủi ro và vẫn xác định đây là lĩnh vực quan trọng phải theo đuổi, chuẩn bị nhân sự, xây dựng các kế hoạch phát triển cho phù hợp.

### **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

**Đối với cộng đồng:**

Với tinh thần hướng tới cộng đồng, Công ty QTC luôn mong muốn mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng các dịch vụ xây lắp và chăm sóc khách hàng. Lãnh đạo QTC mong muốn khi khách hàng truyền thống tìm hiểu về các dịch vụ của công ty đầu tư sẽ được biết đến một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực đầu tư và xây lắp ngành Viễn thông.

**Đối với nhân viên:**

Công ty QTC là một doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư bất động sản. Với chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, chúng tôi là một trong những công ty tạo được một môi trường làm việc tốt với tác phong chuyên nghiệp.

QTC luôn tạo công ăn việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên cũng như hàng trăm người lao động phổ thông trong lĩnh vực xây lắp.

**Đối với môi trường:**

Công ty QTC luôn hướng tới đến các mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường. Tại các dự án do QTC đầu tư, phong cách thiết kế luôn hướng tới thiên nhiên.

**6. Các rủi ro:**

Xây dựng cơ bản nói chung và xây lắp các công trình viễn thông nói riêng là một trong những lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

Bên cạnh những thuận lợi, công ty cũng gặp không ít khó khăn, bởi các nguyên nhân khách quan:

- + Trong hoạt động xây lắp, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các Công ty xây lắp nói chung và Công ty Cổ phần Xây Lắp và Phát Triển Dịch Vụ Bưu Điện Quảng Nam nói riêng, đặc biệt là các khoản công nợ phải thu.
- + Bên cạnh đó, giá cả các yếu tố đầu vào có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của Công ty, giảm lợi nhuận. Tuy nhiên Công ty cũng có nhiều thuận lợi là đã có uy tín trong ngành xây lắp và dịch vụ bưu điện, kinh nghiệm trong đấu thầu và đông đảo khách hàng truyền thống nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.
- + Biến động về tỷ lệ lạm phát có thể ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng cũng như các nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) của nước ngoài cho việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam. Hiện tại, nền kinh tế đang trong tình trạng giá cả tăng cao, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng cao làm giá thành công trình cao, dẫn đến khó khăn trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- + Trong lĩnh vực lắp ráp bưu điện, nguyên vật liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng tương đối cao, nhiều loại nguyên vật liệu phải nhập khẩu, do vậy hoạt động của Công ty phần nào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các loại ngoại tệ.

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, những rủi ro bất khả kháng cũng có thể xảy ra, như bão, lũ lụt,...làm hư hỏng và thiệt hại các công trình đang thi công dở dang, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và hiệu quả kinh doanh.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014 với quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, dưới sự lãnh đạo hiệu quả của HĐQT và điều hành nhạy bén sáng tạo có trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đã cùng với tập thể người lao động đạt được một số kết quả sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	%/Kế hoạch	%/2013
1	Doanh thu	25.050.000.000	34.125.379.779	136,00	306,58
2	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000	3.426.909.974	115,00	
3	Lợi nhuận sau thuế	2.400.000.000	2.703.674.580	113,00	
4	Cổ tức %	10%	10%	100	

### 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: Tính đến ngày 31/3/2015

#### + Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoài Thanh	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Văn Minh Thành	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT
Ông Châu Quang Trinh	Ủy viên HĐQT

Số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty là 03 người:

Ông Nguyễn Việt Hà, Ông Trần Như Hoàng và Ông Châu Quang Trinh.

#### + Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên Ban kiểm soát

#### + Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Trần Hoài Thanh	Tổng giám đốc
Ông Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân	Kế toán trưởng



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, BKS, Ban điều hành:

+ **Ông Nguyễn Viết Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 31/12/1969
CMND số	: 205659807; cấp ngày 15/08/2009; Công an tỉnh Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 01/1995 - 12/1996: Kỹ sư Công ty Thiết kế Bưu điện Q.Nam Đà Nẵng.
- ✚ Từ 01/1997 - 06/1997: Phó trưởng phòng KTNV Viễn thông QNam Đà Nẵng.
- ✚ Từ 07/1997 - 05/2001: Phó Trưởng phòng quản lý Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2001 - 08/2006: Trưởng phòng quản lý Viễn thông tin học BĐ QNam
- ✚ Từ 09/2006 - 10/2006: Phó trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 11/2006 - 12/2007: Trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 11/2009: Trưởng phòng Đầu tư Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 17/11/2009 đến nay: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>12.450</b> cổ phần (chiếm 0,83% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ **Ông Trần Hoài Thanh – Phó chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/12/1972
CMND số	: 201224593; cấp ngày 20/08/2009; Công

an TP Đà Nẵng cấp.

Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : Hòa Cường - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng;  
 Chỗ ở hiện tại : 34 Thanh Long - Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng;  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.  
 Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc Công ty  
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 09/1997 - 01/2002, Kế toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2002 - 06/2009, Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN Xây lắp, Xí nghiệp QTC2.
- ✚ Từ 07/2009 - 12/2011, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp QTC3.
- ✚ Từ 01/2012 - 03/2014, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- ✚ Từ 04/2014 đến nay, Tổng giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : **20.500** cổ phần (chiếm 1,37% VDL)  
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không  
 Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

**+ Ông Lưu Văn Minh Thành – Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty**

Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 24/05/1975  
 CMND số : 205144037; cấp ngày 02/07/2011; Công an Quảng Nam cấp.  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;  
 Chỗ ở hiện tại : Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty  
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 10/1995-12/2002, Kỹ thuật viên Bưu điện huyện Hiệp Đức -Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2003-04/2004, Kỹ thuật viên Công ty Điện báo điện Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2004-04/2005, Chuyên viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2005-09/2006, Phó phòng QL Thi công Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2006-09/2010, Phó Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2010-12/2011, Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2012-11/03/2014, Trưởng Ban KTTC - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 12/03/2014 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>8.000</b> cổ phần (chiếm 0,53% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Ông Châu Quang Trịnh – Ủy viên HĐQT**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 15/7/1966
CMND số	: 205717574; Cấp ngày: 12/12/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Hòa Minh, huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng
Chỗ ở hiện tại	: 193, Trần Quý Cáp, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị	: Phó chủ tịch Công đoàn Viễn thông

khác  
Quá trình công tác : Quảng Nam

- + Từ tháng 01/1990 - 04/1999: Công nhân cấp máy Bưu điện Tiên Phước-Bưu điện Quảng Nam
- + Từ tháng 05/1999 - 07/2002: Phó giám đốc Bưu điện Tiên Phước -Bưu điện Quảng Nam
- + Từ tháng 08/2002 - 12/2007: Trưởng đài VT TP-TM-Công ty ĐB-ĐT-Bưu điện Quảng Nam
- + Từ tháng 01/2008 - 11/2008: Chuyên viên Thi đua khen thưởng-Viễn thông Quảng Nam
- + Từ tháng 12/2008 đến nay: Phó Chủ tịch Công đoàn Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không  
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : **12.000** cổ phần (chiếm 0,8% VDL)  
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không  
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không  
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

**+ Ông Trần Như Hoàng – Ủy viên HĐQT**

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 20/10/1973  
CMND số : 205657791; Cấp ngày: 09/03/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : Mỹ Thạch Trung, Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam  
Chỗ ở hiện tại : Mỹ Thạch Trung, Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử  
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác : Chuyên viên chính - Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư- Viễn thông Quảng Nam  
Quá trình công tác :

- + Từ tháng 12/1998 - 06/2004: Kỹ sư viễn thông - Công ty điện báo điện thoại Quảng

Nam

- ✚ Từ tháng 07/2004 - 12/1007: Chuyên viên Phòng ĐTXDCB - Bưu điện Tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 01/2008-7/2014: Chuyên viên Phòng ĐTXDCB - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 08/2014-10/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 11/2014 đến nay: Chuyên viên chính-Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>5.000</b> cổ phần (chiếm 0,33% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty**

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 14/8/1974
CMND số	: 205699005; Cấp ngày: 16/05/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Thủy Vân- Hưng Trà- Thừa Thiên Huế
Chỗ ở hiện tại	: 153 Phan Chu Trinh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Kế toán trưởng-TT Kinh doanh-Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ tháng 9/1997- 12/2007: Kế toán viên Phòng Kế toán- tài chính - Bưu điện Tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 01/2008-03/2008: Kế toán viên Phòng Kế toán- tài chính - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 04/2008- 12/2013: Phó trưởng phòng KTTKTC - Viễn thông Quảng Nam

✚ Từ tháng 08/2014 đến nay: Kế toán trưởng-TT Kinh doanh-Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	0 cổ phần (chiếm 0,0% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ **Bà Phạm Thị Phương Thảo – Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty**

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1979
CMND số	: 201402576; Cấp ngày: 25/04/1996; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Cẩm Châu- TP Hội an- Tỉnh Quảng nam
Chỗ ở hiện tại	: 263 Cửa Đại- TP Hội an, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Kỹ thuật
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Giám đốc TTVT Hội An - Viễn thông Quảng Nam.
Quá trình công tác	:

✚ Từ tháng 11/2001-8/2004: Kỹ sư Đài OCB - Công ty Điện báo điện thoại - Bưu điện Quảng Nam

✚ Từ tháng 9/2004- 01/2008: Kỹ sư VT - Tổ trưởng Đài Host Hội An - Bưu điện Quảng Nam

✚ Từ tháng 01/2008- 5/2010: Phó giám đốc- Trung tâm Viễn thông 3 - Viễn thông Quảng Nam

✚ Từ tháng 6/2010 đến nay: Giám đốc Trung tâm Viễn thông Hội An - Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>3.500</b> cổ phần (chiếm 0,23% VDL)

Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Ông Nguyễn Trí Bầy – Ủy viên Ban kiểm soát Công ty**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 1967
CMND số	: 205181580; cấp ngày 20/07/2001; Công an Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
Chỗ ở hiện tại	: Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Luật
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Chuyên viên Pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 05/1991 - 10/1991, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 11/1991 - 11/1996, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Thăng Bình - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 12/1996 - 06/1997, Kỹ thuật viên chuyển mạch Bưu điện Tam Kỳ - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 07/1997 - 03/1998, Kỹ thuật viên Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 04/1998 - 08/2002, Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 09/2002 - 02/2004, Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 03/2004 - 05/2005, Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2005 - 12/2007, Phó trưởng Trung tâm Kinh doanh và Phát triển mạng lưới dịch vụ viễn thông CNTT Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 06/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Trung tâm Viễn thông 1 - Viễn thông Quảng Nam

- ✚ Từ 07/2010 - 12/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Viễn thông Núi Thành - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2011 - 11/2012, Chuyên viên phòng KTTH-Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 12/2012 - 11/2014, Kỹ thuật viên -Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 12/2014 đến nay, Chuyên viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>2.750</b> cổ phần (chiếm 0,18% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân – Kế toán trưởng Công ty**

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 10/02/1977
CMND số	: 201347816; cấp ngày 30/9/1994; Công an Quảng Nam Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam
Chỗ ở hiện tại	: KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp Kế toán
Chức vụ công tác hiện nay	: Kế toán trưởng Công ty
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 08/2003-04/2004: Giao dịch Bưu điện - Chi nhánh Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 05/2004-03/2006: Kế toán viên TC - Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 04/2006-09/2010: Kế toán viên TC - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 10/2010-23/03/2012: Kế toán trưởng - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 24/03/2012-30/6/2014: Phụ trách Kế toán Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch



vụ Bưu điện Quảng Nam.

- ✚ Từ 01/7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	0 cổ phần (chiếm 0% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2014:

Stt	Họ và tên	Chức vụ trước khi thay đổi	Chức vụ sau khi thay đổi	Thời điểm thay đổi	Lý do
1	Lưu Văn Minh Thành	Trưởng Ban Kỹ thuật thi công	Phó Tổng giám đốc	12/3/2014	Bỏ nhiệm
2	Trần Đình Chinh	Tổng giám đốc		01/04/2014	Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc
3	Trần Hoài Thanh	Phó Tổng giám đốc	Tổng giám đốc	01/04/2014	Bỏ nhiệm
4	Nguyễn Thị Hoài Nhân	Phụ trách Kế toán	Kế toán trưởng	01/7/2014	Bỏ nhiệm

- Nhân sự Công ty: 24 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>24</b>	<b>100%</b>
Đại học	14	58,33
Cao đẳng	1	4,17
Trung cấp	2	8,33
Công nhân	4	16,67
Chưa qua đào tạo	3	12,50
<b>Theo loại hợp đồng</b>	<b>24</b>	<b>100%</b>
Không xác định thời hạn	21	87,50
Xác định thời hạn	3	12,50
<b>Theo giới tính</b>	<b>24</b>	<b>100%</b>
Nam	19	79,17
Nữ	5	20,83

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư Dự án Khu dân cư Sơn Xuyên tại thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam:

Khái quát dự án:

- \* Tổng diện tích của dự án : 22.313 m<sup>2</sup>
- Trong đó:
  - + Đất khai thác : 8.719,9 m<sup>2</sup>
  - + Đất tái định cư : 759,5 m<sup>2</sup>
  - + Đất thương mại dịch vụ : 394,5 m<sup>2</sup>
  - + Đất ở chính trang : 6.966 m<sup>2</sup>
  - + Đất giao thông và HTKT : 5.473,1 m<sup>2</sup>
- \* Tổng vốn đầu tư : 24.144.000.000 đồng
- Trong đó:
  - + Đã đầu tư giai đoạn 1 năm 2013 -2014: 18.100.000.000 đồng
  - + Kế hoạch đầu tư giai đoạn còn lại năm 2015: 6.044.000.000 đồng
- \* Tổng số lô đất KDC khai thác : 75 lô đất nền
- + Doanh thu từ khai thác năm 2014 : 10.010.754.967 đồng/30 lô đất nền
- + Lợi nhuận của doanh nghiệp : 1.800.000.000 đồng
- + Dự kiến Doanh thu từ khai thác năm 2015 : 11.000.000.000 đồng/30 lô đất nền
- + Lợi nhuận của doanh nghiệp : 2.000.000.000 đồng
- \* Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp Quản lý dự án
- \* Nguồn vốn đầu tư: Vận dụng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn vay từ các Ngân hàng.
- \* Thời gian thực hiện và hoàn thành dự án: Năm 2013 - 2015

Tình hình đầu tư tài chính: Trong năm 2014 công ty không đầu tư thêm vào lĩnh vực tài chính.

#### b. Các công ty con, công ty liên kết: **Không**

### 4. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (+) giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	37.767.162.335	38.626.704.785	102,28%
Doanh thu thuần	11.130.925.625	34.125.379.779	306,58%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	521.911.935	3.520.876.174	674,61%
Lợi nhuận khác	-550.507.189	-93.966.200	
Lợi nhuận trước thuế	-28.595.254	3.426.909.974	
Lợi nhuận sau thuế	-28.595.254	2.703.674.580	

- Các chỉ tiêu khác: **Không.**

## b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,07	2,32	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,57	2,00	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,44	0,41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,79	0,71	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1,13	4,40	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,87	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,10	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

a. Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

- + Số cổ phần đang lưu hành: **1.500.000** cổ phần
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **1.500.000** cổ phần
- + Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

- + Tổng số cổ phần: **1.500.000** cổ phần
- + Tổng số cổ đông theo danh sách ngày 25/3/2015 là **155** cổ đông. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm tỷ lệ 32,67% số cổ phần).

Các cổ đông tổ chức:

TT	Quốc gia	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Viet Nam	Bru điện tỉnh Quảng Nam	01 Trần Phú -P. Tân Thạnh - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	18.000
2	Viet Nam	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM	50
3	Viet Nam	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	150.600
4	Viet Nam	Công ty TNHH Tuệ Phúc	PHÒNG 3.07 C/C BÌNH PHÚ 1, ĐƯỜNG 23, P11, Q6, TP.HCM	400
5	Viet Nam	Tập Đoàn BCVT VN	57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa Tp Hà Nội	490.000
		<b>Tổng cộng:</b>		<b>659.050</b>
		<b>Tỷ lệ:</b>		<b>43,94%</b>

Cổ đông cá nhân: 150 cổ đông với tổng số cổ phần là: 840.950 cổ phần (chiếm 56,06%)

Số cổ đông trong nước: 152 cổ đông, với tổng 1.486.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,07%

Số cổ đông nước ngoài: 3 cổ đông, với tổng 14.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,93%

TT	Quốc tịch	Tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần	Cá nhân/TC
1	Japan	Kishimoto Yoko	222 Sakanao, Sakaemachi, Inba-gun, Chiba 270-1513, Japan	5.000	Cá nhân
2	Japan	Shirasaka Tsuyoshi	949 Saginomiya, Annaka City, Gunma, 379-0124, Japan	8.900	Cá nhân
3	Japan	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100	Cá nhân
		<b>Tổng cộng:</b>		<b>14.000</b>	
		<b>Tỷ lệ:</b>		<b>0,93%</b>	

Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNP T), chiếm 490.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,67%. Cổ đông khác chiếm 1.010.000, tương ứng 67,33%.

Danh sách 20 cổ đông sở hữu cổ phần lớn nhất:

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Cá nhân/Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập Đoàn BCVT VN	57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa Tp Hà Nội	Tổ chức	490.000	32,67%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	Tổ chức	150.600	10,04%
3	Huỳnh Văn Thành	23 Trịnh Văn Cấn, Quận 1, HCM	Cá nhân	71.300	4,75%
4	Trần Bá Toàn	65 Bà Triệu, Cẩm Phả, Hội An, Quảng Nam	Cá nhân	55.543	3,70%
5	Huỳnh Tấn Chung	Lô 33, Khu 6 Nguyễn Du, Tp Đà Nẵng	Cá nhân	52.500	3,50%
6	Nguyễn Ngọc Anh	24 Lê Thánh Tôn, Đà Nẵng(KINGKHA555)	Cá nhân	42.500	2,83%
7	Đình Công Trọng	3C Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Hà Nội	Cá nhân	35.000	2,33%
8	Trương Công Hòa	228 Đường 2/9 - Hải Châu - Đà Nẵng	Cá nhân	34.500	2,30%
9	Trần Hoài Thanh	Số 34, Đường Thanh Long, Đà Nẵng	Cá nhân	20.500	1,37%
10	Trần Đình Chinh	Cty xây lắp và PTDV Bưu điện Quảng Nam	Cá nhân	20.000	1,33%
11	Lê Văn Kỳ	KDC Bưu điện Tam Kỳ Quảng Nam	Cá nhân	19.000	1,27%
12	Đỗ Thanh Hoa	ĐẠI HỌC RMIT, 521 KIM MÃ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI	Cá nhân	18.400	1,23%
13	Bưu điện tỉnh Quảng Nam	01 Trần Phú -P. Tân Thạnh - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	Tổ chức	18.000	1,20%
14	Nguyễn Hữu Thường	19 Trần Cao Vân , TP.Đà Nẵng	Cá nhân	17.500	1,17%
15	Nguyễn Tấn Lộc	4.21 Chung Cư 2, Tân Sơn Nhì, P.14, Q. Tân Bình, TP HCM	Cá nhân	16.200	1,08%
16	Phạm Hữu Xuân	29-Lô B-Cống Vị-Hà Nội	Cá nhân	13.150	0,88%
17	Nguyễn Việt Hà	Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam	Cá nhân	12.450	0,83%
18	Châu Quang Trịnh	01 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam	Cá nhân	12.000	0,80%
19	Nguyễn Hoàng Phú Sĩ	169 Đường Bé Văn Đàn, Đà Nẵng	Cá nhân	10.000	0,67%
20	Nguyễn Hữu Bá	Tổ 23 P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng	Cá nhân	10.000	0,67%
		<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.119.143</b>	<b>74,61%</b>

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2014: **Không có**
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2014: **Không có**
- e. Các chứng khoán khác năm 2014: **Không có**

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2014 là: 34,125 tỷ đồng/25,050 tỷ đồng đạt tỷ lệ 136,00% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là: 3,426 tỷ đồng /3,000 tỷ đồng đạt tỷ lệ 115,00% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 là: 2,703 tỷ đồng / 2,400 tỷ đồng đạt tỷ lệ 113,00% so với kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 15,14%

#### 2. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài sản

Theo báo cáo tài chính năm 2014 cho thấy tổng giá trị tài sản tăng 38,626 tỷ, tương ứng với tỷ lệ 102,28% chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng mạnh. Nếu nhìn vào kết cấu tài sản của công ty cho thấy công ty đẩy mạnh vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh hạn chế đầu tư tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp.

##### b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

+ Khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện năng lực về tài chính có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2014 là 2,32 > 1 và tăng so với năm 2013 cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là rất an toàn.

+ Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản của doanh nghiệp 0,41 lần cho thấy tài sản của doanh nghiệp không phải là nguồn vay và đã có xu hướng giảm so với năm 2013, doanh nghiệp không cần huy động từ nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy được vai trò của đòn bẩy tài chính.

+ Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu 0,71 lần cho biết tỷ lệ giữa hai nguồn vốn cơ bản là nợ và vốn chủ sở hữu, tỷ lệ này năm 2014 là 0,71 lần giảm 71% so với năm 2013.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: **Không**

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

##### 4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015:

Doanh thu	:	25.200.000.000 đồng
Trong đó:		
Xây lắp, lắp đặt viễn thông	:	14.000.000.000 đồng
Xây lắp hạ tầng, bất động sản	:	11.000.000.000 đồng
Hoạt động tài chính + khác	:	200.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế	:	3.000.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	2.400.000.000 đồng
Chi trả cổ tức	:	10%

##### 4.2 Kế hoạch tiền lương 2015:

Để đảm bảo việc chi trả lương theo đúng chế độ Nhà nước, kích thích sản xuất phát triển. Quỹ lương năm 2015 là 7% Sản lượng Doanh thu để trả cho toàn thể CBCNV Công ty.

##### 4.3 Kế hoạch đầu tư:

Nghiên cứu lập dự án và tham gia triển khai các dự án cơ sở hạ tầng vừa và nhỏ tại khu vực tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận, cụ thể: Đầu tư xây dựng CSHT các trạm phát sóng, Khu dân cư, khu phố chợ vừa và nhỏ nhằm nhanh chóng khai thác ...

##### 4.4 Kế hoạch tài chính:

Kế hoạch tài chính năm 2015: Công ty sẽ sử dụng vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác dùng cho vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

##### 4.5 Chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Chủ trương giao Hội đồng quản trị đàm phán với Công ty kiểm toán và kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015. Trong trường hợp cuộc đàm phán không thành công (điều kiện, giá cả) thì Hội đồng quản trị được phép chọn tiếp một trong các công ty kiểm toán độc lập có Văn phòng tại Quảng Nam hoặc Đà Nẵng.

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2014, tình hình kinh tế trong nước tuy có dấu hiệu khởi sắc nhưng mới chỉ tập trung ở một số ngành nghề, một số lĩnh vực. Các doanh nghiệp vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ từ tác động của thị trường. HĐQT Công ty đã luôn cố gắng theo dõi sát sao kịp thời chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo hiệu quả, ổn định đời sống, việc làm cho người lao động.

HDQT đã thường xuyên chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các định hướng phát triển, đầu tư theo Nghị quyết Đại hội. Phân công các thành viên giám sát các hoạt động điều hành của bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế công ty.

Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông Trần Hoài Thanh - Tổng Giám đốc Công ty

Ông Lưu Văn Minh Thành - Phó tổng Giám đốc Công ty

Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân - Kế toán trưởng

Với cơ cấu như trên, HDQT có rất nhiều thuận lợi do có 2/5 thành viên đều nằm trong bộ máy lãnh đạo và là cán bộ chủ chốt của Công ty, có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, HDQT đoàn kết và có sự đồng thuận cao trong các định hướng và quyết sách của Công ty.

Công tác quản trị: Thực hiện điều lệ Công ty, ngoài việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên, HDQT còn tiến hành các phiên họp thường kỳ để trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ đã đề ra, đồng thời phân tích, chỉ đạo và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Việc công bố thông tin và báo cáo định kỳ được thực hiện kịp thời, đầy đủ đúng thời gian quy định.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:**

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị định kỳ cũng như đột xuất.

Kết thúc năm 2014, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban Tổng giám đốc cũng đã góp phần để thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Năm 2015 dự đoán kinh tế vẫn đang ở trong giai đoạn khó khăn. Thị trường và môi trường kinh doanh ngành nghề xây lắp vẫn bị ảnh hưởng rất lớn, thị trường vốn nói chung và nguồn vốn Công ty nói riêng có nhiều khó khăn và hạn hẹp.

- + Thị trường chứng khoán giảm mạnh, thu hồi vốn chậm và thường xuyên gặp những khoản nợ phải thu quá hạn dẫn đến kết quả SXKD kém hiệu quả, một phần hoạt động phải vay ngân hàng, chi phí tài chính tăng cao, làm ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận.
- + Các công trình mà công ty chuẩn bị triển khai hầu hết đều là những nơi có địa hình khó khăn, chi phí nhân công và chi phí vận chuyển lớn, thời gian thực hiện luôn kéo dài, do vậy giá thành lớn làm ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

Trong bối cảnh này, HDQT xác định hướng hoạt động của công ty trong năm 2015 như sau:



- + Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh truyền thống, tập trung nguồn lực để phát triển dịch vụ kỹ thuật cho mảng di động đặc biệt là công tác đo kiểm, lắp đặt thiết bị trạm di động và công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị.
- + Tiếp tục thực hiện việc đổi mới công tác quản trị Công ty một cách hợp lý nhằm nâng cao chất lượng đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động SXKD.
- + Tăng cường công tác quan hệ để củng cố và mở rộng thị trường, đặc biệt chú ý đến các khách hàng ngoài VNPT

Căn cứ những dự đoán của thị trường, HĐQT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu được xác định trong bảng tóm tắt sau:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ % (15/14)
Doanh thu	34.125.379.779	25.200.000.000	73,85%
Lợi nhuận trước thuế	3.426.909.974	3.000.000.000	87,54%
Lợi nhuận sau thuế	2.703.674.580	2.400.000.000	88,77%
Chi trả cổ tức	10%	10%	100

#### **Định hướng chiến lược phát triển năm 2015:**

Tiếp tục thực hiện các công trình xây lắp chuyên ngành ngày càng chuyên nghiệp, tinh gọn bộ máy và mở rộng các lĩnh vực sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở hạ tầng hiện có đối với các sản phẩm ngoài chuyên ngành Viễn thông như: Ngành điện, xây dựng... phối hợp với một số doanh nghiệp khác đầu tư kinh doanh các dự án hạ tầng, bất động sản... nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng trên 10% vốn cổ đông.

#### Cụ thể:

**Lĩnh vực xây lắp:** Xác định xây lắp chuyên ngành Viễn thông vẫn là lĩnh vực chính. Tập trung tăng doanh thu loại công trình viễn thông có hàm lượng kỹ thuật và công nghệ cao, phát triển mạnh đối với các đối tác đang có tiềm năng lớn ngoài VNPT.

**Lĩnh vực sản xuất, thương mại:** Đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện và các lĩnh vực xây dựng, chủ động tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đầu vào tránh những tác động của giá nguyên liệu tăng đột biến, ảnh hưởng đến giá thành và lợi nhuận.

**Lĩnh vực đầu tư dự án hạ tầng:** Khai thác hiệu quả dự án Khu dân cư Sơn Xuyên đang đầu tư, nghiên cứu và tiếp cận các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại khu vực tỉnh Quảng Nam và các khu vực khác lân cận.

**Lĩnh vực hoạt động tài chính:** Tham gia các dự án liên doanh đối với các Công ty đang hoạt động hiệu quả hoặc góp vốn vào các dự án hạ tầng nhằm bổ sung lợi nhuận của Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Hoài Thanh	Phó chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Du lịch	1,37%	Cá nhân
3	Lưu Văn Minh Thành	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc	Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông	0,53%	Cá nhân
4	Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0,80%	Cá nhân
5	Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử	0,33%	Cá nhân

Số lượng thành viên độc lập 03 người:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử	0,33%	Cá nhân
3	Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0,80%	Cá nhân

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: **Không có**

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị đã quản lý công ty theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Giám sát ban quản lý điều

hành theo đúng luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế quy định của Công ty. Trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, phân công các thành viên giám sát các hoạt động điều hành của bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế công ty.

Stt	Nội dung cuộc họp	Kết quả các thành viên thông qua	Ngày, tháng, năm
1	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Bổ nhiệm Ông Lưu Văn Minh Thành giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.	100%	12/3/2014
2	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty.	100%	31/3/2014
3	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Trần Đình Chinh.	100%	31/3/2014
4	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc Bổ nhiệm ông Trần Hoài Thanh giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty.	100%	31/3/2014
5	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.	100%	08/5/2014
6	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam đăng ký giao dịch trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	100%	19/5/2014
7	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.	100%	17/6/2014
8	Biên Bản họp Hội đồng quản trị về việc Bổ nhiệm ông Trần Hoài Thanh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.	100%	20/6/2014
9	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.	100%	30/6/2014
10	Nghị quyết sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2014 và nhiệm vụ hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2014.	100%	22/7/2014
11	Nghị quyết sơ kết hoạt động SXKD 9 tháng năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động SXKD Quý 4 năm 2014.	100%	25/9/2014

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: **Không có**  
e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: **Không có**

- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

## 2. Ban Kiểm soát:

- a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát trước ngày 31/12/2014

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng BKS	Cử nhân kế toán	0
2	Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên BKS	Thạc sĩ Kỹ thuật	3.500
3	Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

Ban kiểm soát từ ngày 01/01/2015

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng BKS	Cử nhân kế toán	0
2	Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên BKS	Thạc sĩ Kỹ thuật	3.500
3	Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

- b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- b1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- \* **Hoạt động:** Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Được hoạt động theo luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thu nhận thông tin từ HĐQT, cung cấp về hoạt động kinh doanh. Tập hợp báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông, các kiến nghị của Cổ đông.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với HĐQT Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- b2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với Ban Tổng giám đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động SXKD được minh bạch, lành mạnh.
- Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo thẩm định về việc thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ 6 tháng và năm của Công ty.
- Thống nhất những đề xuất, kiến nghị với HĐQT trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

b3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý:

\* **Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đề ra, có những định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, và được hoạch định hoàn chỉnh, có cơ sở thuyết phục và mang tính khả thi cao. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã có những quyết định đúng đắn, kiên quyết trong công tác quản lý, điều động, bố trí cán bộ, khắc phục được những hạn chế do môi trường sản xuất kinh doanh bất lợi trong năm 2014, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững

\* **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm đầy đủ cho người lao động, năng động sáng tạo trong xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện, đưa ra các giải pháp quản lý điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn đảm bảo nguyên tắc và đạt hiệu quả.

\* **Cán bộ quản lý:**

Bộ phận cán bộ quản lý của Công ty thừa hành thực hiện nhiệm vụ được giao, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, năng động sáng tạo trong quá trình thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết và có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông luôn phối hợp thực hiện đảm bảo đúng thủ tục trình tự, được gắn kết chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty:

\* **Tình hình hoạt động:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, bộ máy quản lý điều hành đã thực hiện đầy đủ và thắng lợi chương trình mục tiêu kinh tế xã hội và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về định hướng chiến lược phát triển kinh doanh năm 2014 của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả thể hiện các mặt sau:

- Quản lý điều hành bằng hình thức ban hành các quy chế nội bộ của doanh nghiệp, điều chỉnh bằng các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định của Ban Tổng giám đốc, hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần, kịp thời bổ sung, sửa đổi, các quy chế phù hợp với chế độ chính sách hiện hành và cơ chế thị trường. Sử dụng một cách hợp lý về tiền vốn và nguồn lực đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, việc trả lương, thưởng đảm bảo nguyên tắc và kịp thời động viên khuyến khích người lao động.
- Theo dõi, quản lý tốt nguồn tài chính của Công ty, thường xuyên quan tâm đến công tác thanh toán vốn và thu hồi nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh bằng vốn tự có và vay ngân hàng.
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn của Cổ đông, cụ thể là:
  - + Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2014 là: 34,125 tỷ đồng/25,050 tỷ đồng đạt tỷ lệ 136,00% so với kế hoạch.
  - + Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là: 3,426 tỷ đồng /3,000 tỷ đồng đạt tỷ lệ 115,00% so với kế hoạch.
  - + Lợi nhuận sau thuế năm 2014 là: 2,703 tỷ đồng / 2,400 tỷ đồng đạt tỷ lệ 113,00% so với kế hoạch.
  - + Thu nhập người lao động bình quân năm 2014 là: 5,599 triệu đồng/người/tháng so với năm 2013 là 4,139 triệu đồng/người/tháng đạt 135,27%.

\* **Công tác tài chính Công ty:**

Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, có quy chế hoạt động tài chính nội bộ công ty, quản lý tốt công tác tài chính, tình hình tài chính ổn định, sản xuất kinh doanh phát triển tốt, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán AAC bao gồm: Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo về tình hình tài chính của Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại thời điểm

31/12/2014 và các số liệu Ban tài chính kế toán Công ty cung cấp, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra và đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động tài chính năm 2014:

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013	So sánh 2014/2013%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33.555.149.224	11.130.925.625	301,46%
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	33.555.149.224	11.130.925.625	301,46%
4. Giá vốn hàng bán	11	28.315.136.246	9.340.476.557	303,14%
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	5.240.012.978	1.790.449.068	292,66%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	66.988.014	508.868.290	13,16%
7. Chi phí tài chính	22	17.337.432	-86.319.390	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	17.379.734	22.709.635	76,53%
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.768.787.386	1.863.724.813	94,91%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	3.520.876.174	521.911.935	674,61%
11. Thu nhập khác	31	503.242.541	168.148.863	299,28%
12. Chi phí khác	32	597.208.741	718.656.052	83,10%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-93.966.200	-550.507.189	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	3.426.909.974	-28.595.254	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	711.949.790	11.285.604	6.308,48%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	11.285.604	-11.285.604	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	2.703.674.580	-28.595.254	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.802	-19	

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 tăng hơn so với năm 2013 cụ thể.

+ Tổng doanh thu tăng: 301,46%,

+ Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2014.

Ban kiểm soát căn cứ số liệu và báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty năm 2014, đã được Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện và

Ban Tài chính kế toán Công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ và tính trung thực về số liệu đã cung cấp để kiểm tra.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát :**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Các khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác			
		Lương hàng tháng (đồng)	Thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)	Các lợi ích khác
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Việt Hà - Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0
2	Trần Hoài Thanh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	11.638.476	0	0	0
3	Lưu Văn Minh Thành - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	9.852.287	0	0	0
4	Trần Như Hoàng - Ủy viên HĐQT	0	0	0	0
5	Châu Quang Trịnh - Ủy viên HĐQT	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc - Trưởng Ban kiểm soát	0	0	0	0
2	Phạm Thị Phương Thảo - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
3	Nguyễn Trí Bảy - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	0	0

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: **Không có**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	




c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **Không có phát sinh**

Stt	Tên hợp đồng	Cổ đông nội bộ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty QTC đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bru điện Quảng Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

#### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bru điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/4/2014.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:* 15.000.000.000 đồng.

*Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2014:* 15.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện giao dịch Cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 06/06/2014 với mã chứng khoán là QCC.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 510.3811811 – 3811347
- Fax: (84) 510.3811999
- E-mail: [ceo@qtc.com.vn](mailto:ceo@qtc.com.vn)
- Website: [www.qtc.vn](http://www.qtc.vn)

**Ngành nghề kinh doanh chính**

- Thi công xây lắp các công trình bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình xây lắp dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh - truyền hình;
- Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm định, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Mua bán vật tư, hàng hóa, thiết bị bưu chính - viễn thông, điện tử, tin học, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Sản xuất, kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành viễn thông tin học;
- Kinh doanh phát triển các dịch vụ bưu chính;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính - viễn thông, điện tử, tin học;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trên mạng Internet;
- Xuất bản phần mềm;
- Dịch vụ quảng cáo điện tử;
- Dịch vụ viễn thông có dây, không dây, vệ tinh, internet;
- Kinh doanh dịch vụ đo kiểm viễn thông.

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 24 người. Trong đó cán bộ quản lý là 11 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

### ***Hội đồng quản trị***

- |                          |              |                              |
|--------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Viết Hà     | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
| • Ông Trần Hoài Thanh    | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/06/2014     |
|                          | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012     |
|                          |              | Miễn nhiệm ngày 20/06/2014   |
| • Ông Trần Đình Chinh    | Ủy viên      | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
|                          |              | Miễn nhiệm ngày 01/04/2014   |
| • Ông Lưu Văn Minh Thành | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 17/06/2014     |
| • Ông Trần Như Hoàng     | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 17/06/2014     |
| • Ông Châu Quang Trịnh   | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 17/06/2014     |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                           |            |  |
|---------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/07/2014                                   |
| • Ông Nguyễn Đông         | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 04/07/2014 |
| • Ông Phạm Ngọc Hiệp      | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012                               |
| • Ông Nguyễn Trí Bảy      | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012                                   |

### ***Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng***

- |                           |                   |  |
|---------------------------|-------------------|--|
| • Ông Trần Hoài Thanh     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/04/2014                               |
|                           | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/02/2007<br>Miễn nhiệm ngày 01/04/2014 |
| • Ông Trần Đình Chinh     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 06/10/2010<br>Miễn nhiệm ngày 01/04/2014 |
| • Ông Lưu Văn Minh Thành  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/03/2014                               |
| • Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 01/07/2014                               |
|                           | Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 24/03/2012<br>Miễn nhiệm ngày 01/07/2014 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt

động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Trần Hoài Thanh**  
*Quảng Nam, ngày 27 tháng 03 năm 2015*

## 1. Ý kiến kiểm toán



### CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dnq.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 441/2015/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
C.ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/03/2015, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tính đến 31/12/2014 là 960.034.224 đồng.
2. Công ty chưa phản ánh tiền thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp (số tiền: 341.766.248 đồng) theo Quyết định số 825/QĐ-CT ngày 12/02/2015 của Cục thuế Tỉnh Quảng Nam về việc “xử phạt vi phạm hành chính về thuế” vào kết quả kinh doanh năm 2014 là chưa phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”. (Trong đó: truy thu thuế GTGT: 157.116.044 đồng, thuế TNDN: 70.964.404 đồng, phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính: 113.685.800 đồng)

Nếu hạch toán đầy đủ các khoản chi phí đã nêu tại mục (1), (2) vào kết quả kinh doanh năm nay thì lợi nhuận trước thuế của Công ty lãi 2.196.073.906 đồng chứ không phải lãi 3.426.909.974 đồng như đã trình bày.

3. Ngoài ra, một số khoản nợ phải thu 6.200.553.155 đồng và nợ phải trả 2.177.777.919 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2014. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.672.078.885</b>	<b>34.151.842.972</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>911.674.374</b>	<b>2.540.900.857</b>
1. Tiền	111		911.674.374	2.540.900.857
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>5.100.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.829.086.603</b>	<b>16.799.792.280</b>
1. Phải thu khách hàng	131		21.189.942.266	11.002.427.129
2. Trả trước cho người bán	132		105.628.850	122.068.850
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	6.533.515.487	5.675.296.301
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.036.965.388</b>	<b>7.842.599.551</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>8</b>	5.144.615.020	7.950.249.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(107.649.632)	(107.649.632)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.894.352.520</b>	<b>1.868.550.284</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>9</b>	49.109.549	56.392.681
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	312.043.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>10</b>	441.362.000	17.745.915
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>11</b>	2.403.880.971	1.482.367.897
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.954.625.900</b>	<b>3.193.057.268</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.570.932.838</b>	<b>2.338.400.567</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>12</b>	1.570.932.838	2.338.400.567
- Nguyên giá	222		8.139.604.052	9.203.760.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.568.671.214)	(6.865.360.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>16.973.556</b>
- Nguyên giá	241		355.829.784	355.829.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(355.829.784)	(338.856.228)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>274.290.926</b>	<b>774.248.624</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		80.000.000	80.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		200.159.000	700.159.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.868.074)	(5.910.376)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>109.402.136</b>	<b>63.434.521</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>15</b>	106.240.426	48.987.207
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	11.285.604
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.161.710	3.161.710
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>38.626.704.785</b>	<b>37.344.900.240</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.991.324.998</b>	<b>16.663.195.033</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.789.776.598</b>	<b>16.555.522.306</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	700.000.000	5.527.378.932
2. Phải trả người bán	312		6.686.587.525	9.079.216.280
3. Người mua trả tiền trước	313		100.001	1.128.560.430
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.881.992.576	154.457.763
5. Phải trả người lao động	315		5.927.547.825	773.030.290
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	788.180.854	66.710.794
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(194.632.183)	(173.832.183)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>201.548.400</b>	<b>107.672.727</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	19	201.548.400	107.672.727
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.635.379.787</b>	<b>20.681.705.207</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>22.635.379.787</b>	<b>20.681.705.207</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	6.673.350.000	6.673.350.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	962.029.787	(991.644.793)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>38.626.704.785</b>	<b>37.344.900.240</b>



Trần Hoài Thanh

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	33.555.149.224	11.130.925.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	33.555.149.224	11.130.925.625
4. Giá vốn hàng bán	11	22	28.315.136.246	9.340.476.557
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.240.012.978</b>	<b>1.790.449.068</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	66.988.014	508.868.290
7. Chi phí tài chính	22	24	17.337.432	(86.319.390)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.379.734	22.709.635
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.768.787.386	1.863.724.813
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.520.876.174</b>	<b>521.911.935</b>
11. Thu nhập khác	31	25	503.242.541	168.148.863
12. Chi phí khác	32	26	597.208.741	718.656.052
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(93.966.200)</b>	<b>(550.507.189)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>27</b>	<b>3.426.909.974</b>	<b>(28.595.254)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	711.949.790	11.285.604
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		11.285.604	(11.285.604)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>27</b>	<b>2.703.674.580</b>	<b>(28.595.254)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.802	(19)

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Hoài Thanh**

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Hoài Nhân****Người lập biểu**

**Phạm Thị Trúc Linh**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	25.688.564.253	11.053.218.136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(19.642.576.030)	(10.483.320.071)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.397.137.556)	(2.676.193.592)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(114.021.735)	(75.396.085)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(72.114.779)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.016.625.928	1.639.291.751
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.730.746.436)	(4.242.329.971)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.251.406.355)</b>	<b>(4.784.729.832)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(132.300.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	418.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	5.600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(80.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	280.045.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.690.792	517.453.211
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.090.872.610</b>	<b>(5.014.801.789)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.900.000.000	5.602.597.232
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.727.378.932)	(75.218.300)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(641.313.806)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.468.692.738)</b>	<b>5.527.378.932</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.629.226.483)</b>	<b>(4.272.152.689)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.540.900.857	6.813.053.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>911.674.374</b>	<b>2.540.900.857</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Hoài Thanh**

**Kế toán trưởng**  
  
**Nguyễn Thị Hoài Nhân**

**Người lập biểu**  
  
**Phạm Thị Trúc Linh**

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2015

---

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các BCTC)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/04/2014.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình;

- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính

Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet;

- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;

- Khách sạn;
- Công nghệ thông tin;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao

Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông;

- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học;

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sửa chữa thiết bị khác

Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh.

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời

điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

#### **4.6 Bất động sản đầu tư**

##### **Nguyên giá**

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT -BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6

#### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

#### **4.10 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

#### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.

- ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

#### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động xây lắp, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% do đáp ứng điều kiện là tổng doanh thu năm 2013 không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.14 Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, ký quỹ, ký cược, các khoản phải thu khác và đầu tư tài chính.

###### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Điều chỉnh hồi tố theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày	Số liệu tại	Chênh lệch
	31/12/2013	ngày 31/12/2013 (Đã hồi tố)	
	VND	VND	
Hàng tồn kho	8.372.511.278	7.950.249.183	(422.262.095)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(569.382.698)	(991.644.793)	(422.262.095)



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2013	Năm 2013 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
	VND	VND	
Chi phí khác	296.393.957	718.656.052	422.262.095
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	393.666.841	(28.595.254)	(422.262.095)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	393.666.841	(28.595.254)	(422.262.095)

Điều chỉnh giảm “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” (số tiền: 422.262.095 đồng) của một số công trình đã nghiệm thu, quyết toán và ghi nhận doanh thu nhưng chưa hạch toán hết chi phí. Việc điều chỉnh này làm các khoản mục “Hàng tồn kho”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng giảm 422.262.095 đồng; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, khoản mục “Chi phí khác” tăng và khoản mục “Lợi nhuận kế toán trước thuế”, “Lợi nhuận sau thuế TNDN” cùng giảm một lượng tương ứng.

## 6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	129.254.402	255.952.284
Tiền gửi ngân hàng	782.419.972	2.284.948.573
<b>Cộng</b>	<b>911.674.374</b>	<b>2.540.900.857</b>

## 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	-	12.349.590
BHXH phải thu người lao động	16.399.547	13.626.911
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	5.702.778
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Điện Bàn	6.065.309.805	5.145.659.805
Các khoản khác	451.806.135	497.957.217
<b>Cộng</b>	<b>6.533.515.487</b>	<b>5.675.296.301</b>

## 8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	589.003.068	550.691.889
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.543.227.416	7.387.172.758
Thành phẩm	12.384.536	12.384.536
<b>Cộng</b>	<b>5.144.615.020</b>	<b>7.950.249.183</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm xe	11.168.498	12.071.470
Tiền thuê đất đặt trạm BTS	14.291.667	18.241.666
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.649.384	26.079.545
<b>Cộng</b>	<b>49.109.549</b>	<b>56.392.681</b>

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế TNDN nộp thừa	-	17.745.915
Các khoản khác phải thu nhà nước	441.362.000	-
<b>Cộng</b>	<b>441.362.000</b>	<b>17.745.915</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	2.137.145.318	1.215.632.244
Tài sản thiếu chờ xử lý	266.735.653	266.735.653
<b>Cộng</b>	<b>2.403.880.971</b>	<b>1.482.367.897</b>

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.340.810.691	3.284.045.475	2.117.910.446	460.994.091	9.203.760.703
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	1.064.156.651	-	-	-	1.064.156.651
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.276.654.040</b>	<b>3.284.045.475</b>	<b>2.117.910.446</b>	<b>460.994.091</b>	<b>8.139.604.052</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	1.923.781.529	2.387.751.339	2.117.910.446	435.916.822	6.865.360.136
Khấu hao trong năm	124.205.328	248.720.388	-	16.718.184	389.643.900
Thanh lý, nhượng bán	686.332.822	-	-	-	686.332.822
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.361.654.035</b>	<b>2.636.471.727</b>	<b>2.117.910.446</b>	<b>452.635.006</b>	<b>6.568.671.214</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.417.029.162	896.294.136	-	25.077.269	2.338.400.567
<b>Số cuối năm</b>	<b>915.000.005</b>	<b>647.573.748</b>	<b>-</b>	<b>8.359.085</b>	<b>1.570.932.838</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 4.370.325.663 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để cầm cố, thế chấp nợ vay tại 31/12/2014 là 0 đồng.

### 13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	355.829.784	355.829.784
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>355.829.784</b>	<b>355.829.784</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	338.856.228	338.856.228
Khấu hao trong năm	16.973.556	16.973.556
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>355.829.784</b>	<b>355.829.784</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	16.973.556	16.973.556
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		80.000.000		80.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC	8.000	80.000.000	8.000	80.000.000
Đầu tư dài hạn khác		200.159.000		700.159.000
- Công ty CP Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện (1)	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (VHG)	9	159.000	9	159.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng		-		500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (2)		(5.868.074)		(5.910.376)
<b>Cộng</b>		<b>274.290.926</b>		<b>774.248.624</b>

(1) Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện. Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của nó. Do đó, giá trị cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

(2) Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn (mã chứng khoán VHG) và dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Hạ tầng QTC:

- ✓ Khoản dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu VHG được căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá đóng cửa ngày 31/12/2014 tại HOSE với giá ghi sổ kế toán.
- ✓ Khoản dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Hạ tầng QTC được căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2013 chưa kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Hạ tầng QTC (Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC).

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	106.240.426	48.987.207
<b>Cộng</b>	<b>106.240.426</b>	<b>48.987.207</b>

### 16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	700.000.000	5.527.378.932
- Ngân hàng TMCP Oân Đới - CN Quảng Nam	-	3.880.000.000
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Quảng Nam	-	1.647.378.932
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & PT VN- CN Quảng Nam	700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>700.000.000</b>	<b>5.527.378.932</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.205.782.214	153.630.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	622.089.096	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.615.176	827.023
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	52.506.090	-
<b>Cộng</b>	<b>1.881.992.576</b>	<b>154.457.763</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	21.998.595	-
Lãi dự trả	2.177.778	13.941.041
Cổ tức phải trả	108.686.194	-
Phải trả khác	655.318.287	52.769.753
<b>Cộng</b>	<b>788.180.854</b>	<b>66.710.794</b>

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu cho thuê trạm BTS	201.548.400	107.672.727
<b>Cộng</b>	<b>201.548.400</b>	<b>107.672.727</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	15.000.000.000	6.673.350.000	(963.049.539)	20.710.300.461
Tăng trong năm	-	-	(28.595.254)	(28.595.254)
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>6.673.350.000</b>	<b>(991.644.793)</b>	<b>20.681.705.207</b>
Số dư tại 01/01/2014	15.000.000.000	6.673.350.000	(991.644.793)	20.681.705.207
Tăng trong năm	-	-	2.703.674.580	2.703.674.580
Giảm trong năm	-	-	750.000.000	750.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>6.673.350.000</b>	<b>962.029.787</b>	<b>22.635.379.787</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu thường	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu thường	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(991.644.793)	(963.049.539)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.703.674.580	(28.595.254)
Phân phối lợi nhuận năm nay	750.000.000	-
- <i>Tạm ứng cổ tức</i>	750.000.000	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>962.029.787</b>	<b>(991.644.793)</b>

**d. Cổ tức**

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 31/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2014 đã thông qua phương án tạm chia cổ tức năm 2014 là 5%/vốn điều lệ, tương ứng 750.000.000 đồng. Theo đó, ngày giao dịch không hưởng quyền là 08/08/2014, ngày đăng ký cuối cùng là 12/08/2014.

**21. Doanh thu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	33.555.149.224	11.130.925.625
+ <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	-	150.400.000
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	228.872.727	228.872.728
+ <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	23.315.521.530	10.751.652.897
+ <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	10.010.754.967	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b>33.555.149.224</b>	<b>11.130.925.625</b>

**22. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn thành phẩm	210.429.409	92.327.036
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	93.631.176	85.683.434
Giá vốn hoạt động xây dựng	19.805.463.495	9.162.466.087
Giá vốn kinh doanh bất động sản	8.205.612.166	-
<b>Cộng</b>	<b>28.315.136.246</b>	<b>9.340.476.557</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	66.988.014	488.734.290
Lãi do bán chứng khoán	-	20.134.000
<b>Cộng</b>	<b>66.988.014</b>	<b>508.868.290</b>

#### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	17.379.734	22.709.635
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(42.302)	5.815.274
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán đã bán	-	(770.568.164)
Lỗ do bán chứng khoán	-	655.723.865
<b>Cộng</b>	<b>17.337.432</b>	<b>(86.319.390)</b>

#### 25. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý TSCĐ	418.181.818	-
Thu tiền điện	84.060.723	68.060.627
Thu nhập từ bồi thường	-	93.678.381
Thu nhập khác	1.000.000	6.409.855
<b>Cộng</b>	<b>503.242.541</b>	<b>168.148.863</b>

#### 26. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị quyết toán chi phí không có cơ sở	-	422.262.095
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	377.823.829	-
Chi phí quản lý Công ty niêm yết	17.197.000	30.000.000
Tiền phạt chậm nộp BHXH	3.265.130	-
Tiền thuê đất phải nộp	112.862.059	119.410.200
Chi hộ tiền điện	84.060.723	68.060.627
Chi phí bồi thường	-	63.119.613
Chi phí khác	2.000.000	15.803.517
<b>Cộng</b>	<b>597.208.741</b>	<b>718.656.052</b>

#### 27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.426.909.974	(28.595.254)
+ Hoạt động kinh doanh chính	1.666.082.791	(73.275.745)
+ Hoạt động chuyển nhượng BĐS	1.805.142.801	-
+ Hoạt động khác	(44.315.618)	44.680.491
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	48.786.715	(393.666.841)
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	449.126.715	309.677.584
- Điều chỉnh giảm (chuyển lỗ hoạt động KD BĐS)	400.340.000	703.344.425
+ Chuyển lỗ năm 2010	-	703.344.425
+ Chuyển lỗ hoạt động KD BĐS	400.340.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.475.696.689	(422.262.095)
+ Hoạt động kinh doanh chính	2.115.209.506	(466.942.586)
+ Hoạt động chuyển nhượng BĐS	1.404.802.801	-
+ Hoạt động khác	(44.315.618)	44.680.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	723.235.394	-
+ Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh (20%)	414.178.778	-
+ Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh BĐS (22%)	309.056.616	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	711.949.790	11.285.604
+ Chi phí thuế TNDN kinh doanh	414.178.778	11.285.604
+ Chi phí thuế TNDN kinh doanh bất động sản	297.771.012	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	11.285.604	(11.285.604)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.703.674.580</b>	<b>(28.595.254)</b>

## 28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.703.674.580	(28.595.254)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.703.674.580	(28.595.254)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.802</b>	<b>(19)</b>

## 29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.433.944.175	2.828.605.796
Chi phí nhân công	9.547.227.750	3.297.349.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.617.456	669.014.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.497.107.222	9.991.024.426
Chi phí khác bằng tiền	1.194.622.365	760.873.800
<b>Cộng</b>	<b>27.079.518.968</b>	<b>17.546.867.926</b>



### 30. Báo cáo bộ phận

Hoạt động	Xây dựng VND	Bất động sản VND	Dịch vụ VND	Bán thành phẩm VND	Cộng VND
<b>Năm 2014</b>					
Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	23.315.521.530	10.010.754.967	228.872.727	-	33.555.149.224
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn	19.805.463.495	8.205.612.166	93.631.176	210.429.409	28.315.136.246
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					1.768.787.386
Doanh thu tài chính không phân bổ					66.988.014
Chi phí tài chính không phân bổ					17.337.432
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.510.058.035</b>	<b>1.805.142.801</b>	<b>135.241.551</b>	<b>(210.429.409)</b>	<b>3.520.876.174</b>
Thu nhập khác					503.242.541
Chi phí khác					597.208.741
<b>Lợi nhuận khác</b>					<b>(93.966.200)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>					<b>3.426.909.974</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành					711.949.790
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					11.285.604
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>					<b>2.703.674.580</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>					
Tài sản cố định	1.143.791.184	-	-	427.141.654	1.570.932.838
- Nguyên giá	6.112.474.956	-	-	2.027.129.096	8.139.604.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	(4.968.683.772)	-	-	(1.599.987.442)	(6.568.671.214)
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	355.829.784	-	355.829.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(355.829.784)	-	(355.829.784)
<b>Năm 2013</b>					
Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	10.751.652.897	-	228.872.728	150.400.000	11.130.925.625
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn	9.162.466.087	-	85.683.434	92.327.036	9.340.476.557
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					1.863.724.813
Doanh thu tài chính không phân bổ					508.868.290
Chi phí tài chính không phân bổ					(86.319.390)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.589.186.810</b>	<b>-</b>	<b>143.189.294</b>	<b>58.072.964</b>	<b>521.911.935</b>
Thu nhập khác					168.148.863
Chi phí khác					718.656.052
<b>Lợi nhuận khác</b>					<b>(550.507.189)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>					<b>(28.595.254)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành					11.285.604
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(11.285.604)
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>					<b>(28.595.254)</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>					
Tài sản cố định hữu hình	1.348.923.678	-	-	989.476.889	2.338.400.567
- Nguyên giá	6.112.474.956	-	-	3.091.285.747	9.203.760.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	(4.763.551.278)	-	-	(2.101.808.858)	(6.865.360.136)
Bất động sản đầu tư	-	-	16.973.556	-	16.973.556
- Nguyên giá	-	-	355.829.784	-	355.829.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(338.856.228)	-	(338.856.228)

### 31. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Chi phí thuê ngoài xây dựng chiếm phần lớn trong giá vốn sản xuất kinh doanh nên Công ty chịu rủi ro về giá phí hoạt động thuê ngoài xây dựng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng chính sách lựa chọn nhà cung cấp. Theo đó, ưu tiên hàng đầu của Công ty là lựa chọn những nhà cung cấp dịch vụ uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty luôn linh hoạt trong việc lựa chọn nhà cung cấp bằng việc tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo dịch vụ được cung cấp với mức giá hợp lý và chất lượng nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động giá phí hoạt động thuê ngoài xây dựng ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng hạn mức bán hàng những khách hàng bán tín chấp lâu năm, tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	700.000.000	-	700.000.000
Phải trả người bán	6.686.587.525	-	6.686.587.525
Phải trả khác	766.182.259	-	766.182.259
<b>Cộng</b>	<b>8.152.769.784</b>	<b>-</b>	<b>8.152.769.784</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	5.527.378.932	-	5.527.378.932
Phải trả người bán	9.079.216.280	-	9.079.216.280
Phải trả khác	66.710.794	-	66.710.794
<b>Cộng</b>	<b>14.673.306.006</b>	<b>-</b>	<b>14.673.306.006</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	911.674.374	-	911.674.374
Phải thu khách hàng	21.189.942.266	-	21.189.942.266
Ký quỹ, ký cược	-	3.161.710	3.161.710
Phải thu khác	451.806.135	-	451.806.135
Đầu tư tài chính	-	200.106.200	200.106.200
<b>Cộng</b>	<b>22.553.422.775</b>	<b>203.267.910</b>	<b>22.756.690.685</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.540.900.857	-	2.540.900.857
Phải thu khách hàng	11.002.427.129	-	11.002.427.129
Ký quỹ, ký cược	-	3.161.710	3.161.710
Phải thu khác	503.659.995	-	503.659.995
Đầu tư tài chính	5.100.000.000	700.063.898	5.800.063.898
<b>Cộng</b>	<b>19.146.987.981</b>	<b>703.225.608</b>	<b>19.850.213.589</b>

### 32. Thông tin về các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	257.889.157	180.863.361

### 33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 12/2/2015, Cục thuế Tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 825/QĐ-CT về việc “xử phạt vi phạm hành chính về thuế” đối với Công ty. Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp sau thanh tra thuế (thanh tra từ năm 2009 đến năm 2013) là 341.766.248

đồng (Trong đó: truy thu thuế GTGT: 157.116.044 đồng, thuế TNDN: 70.964.404 đồng, phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính: 113.685.800 đồng). Số liệu này sẽ được Công ty ghi nhận trong năm tài chính 2015.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

 <b>Tổng Giám đốc</b>  <b>Trần Hoài Thanh</b>	<b>Kế toán trưởng</b>  <b>Nguyễn Thị Hoài Nhân</b>	<b>Người lập biểu</b>  <b>Phạm Thị Trúc Linh</b>
--	---	---

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (mã chứng khoán QCC) về kết quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động quản trị của công ty trong năm 2014. Xin kính gửi đến Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, các Quý Cổ đông và Nhà Đầu tư.

Quảng Nam, ngày 01 tháng 4 năm 2015

**Người thực hiện CBTT**  
**Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc**

**Nơi nhận;**

- Như K.gửi;
- Lưu HSCK

  
  
**Trần Hoài Thanh**